



ă

ăn

吃



â

quần

褲子



b

bà

奶奶



c

cá

魚



g

gà

雞



h

hoa

花



i

vịt

鴨子



k

kim

針



ô

ông

爺爺



ơ

ớt

辣椒



p

pin

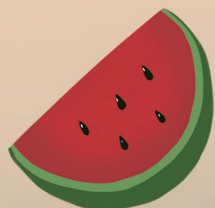
電池



q

quạ

烏鴉



ư

dưa hấu

西瓜



v

Việt Nam

越南



x

xe máy

機車



y

yếm

圍兜

給同學的話

歡迎同學們一起來參加越南語第一學習階段的課程。

在課文裡，可以學習使用越南語稱呼老師、同學、爸爸、媽媽；還有，向他人介紹姓名；以及在學校、在家裡跟他人有禮貌的問候。

為了鼓勵同學多說越南語，本冊學習內容暫時不用書寫，也還不需要認識字母，希望同學能夠多多練習說越南語。

本教材歡迎大家一起來學習，不限父親或母親原國籍是越南，未來，如果有機會遇到越南新住民，別忘了使用越南語問候對話，讓他們感受到我國的友善與熱情。

編輯小組 110.06

人物介紹



Dung



bố



mẹ



cô



ông



bà



thầy

Mục lục

目 錄

Bảng chữ cái
字母表

1

Bài một
第一課

Tên của em
我的名字

4

Bài hai
第二課

Mời ngồi
請坐

12

Ôn tập một
複習一

20

Bài ba
第三課

Nhà em
我的家

24

Bài bốn
第四課

Cháu chào ông ạ!
爺爺您好

32

Ôn tập hai
複習二

40

Phụ lục: Thẻ từ vựng
附錄：詞彙卡

3

Bài một

第一課

Tên của em

我的名字

1

Em chào cô ạ!
老師好！

2

Chào các bạn!
同學們好！

4





3

Tên của em là Dung.

我的名字是蓉。



Từ vựng

詞彙

bạn
同學

em
我

cô
女老師

An illustration of a male teacher with brown hair and glasses, wearing a blue short-sleeved shirt and red pants, standing on a red path and waving. A female student with brown hair in a ponytail, wearing a white shirt and dark blue skirt, is running towards him on the same path. The background features a red fence and a blue sky.

thầy
男老師

của...
... 的

tên
名字

là
是

chào
你好

Bài luyện tập
語文活動

Em tập nghe và chọn câu thích hợp

聽 — 聽 選 — 選

1

Em chào cô ạ!
老師好！

2

Chào các bạn!
同學們好！

3

Tên của em là
Dung.
我的名字是蓉。

8



4

Em chào thầy ạ!

老師好！

5

Chào các bạn!

同學們好！

6

Tên của em là
Dung.

我的名字是蓉。



Em tập ghép và xếp từ

加 一 加 排 一 排

em

我

của em

我的

tên của em

我的名字

Tên của em là _____ .

我的名字是 _____ 。

em

我

của em

我的

bạn của em

我的同學

Bạn của em là _____ .

我的同學是 _____ 。

Em tập diễn và nói

演 一 演 說 一 說

1 Em chào cô ạ!
老師好！

2 Chào các bạn!
同學們好！

3 Tên của em là Dung.
我的名字是蓉。



Bài hai

第二課

Mời ngồi

請坐



2

Mời các em ngồi!

各位同學，請坐！

1

Em chào thầy ạ!

老師好！





4

Em xin lỗi thầy ạ!

老師，對不起！

3

Em cảm ơn thầy ạ!

謝謝老師！

Từ vựng

詞彙

mời
請

cảm ơn
謝謝

xin lỗi
對不起



ngồi
坐



Bài luyện tập
語文活動

Em tập nghe và chọn câu thích hợp

聽 — 聽 選 — 選

1

Em chào thầy ạ!
老師好！

2

Mời các em ngồi!
各位同學，請坐！

3

Em cảm ơn thầy ạ!
謝謝老師！

4

Em xin lỗi thầy ạ!
老師，對不起！



Em tập thay thế

換 一 換



Em cảm ơn cô ạ!

謝謝（女）老師。

Em cảm ơn thầy ạ!

謝謝（男）老師。



Em xin lỗi thầy ạ!

（男）老師，對不起。

Em xin lỗi cô ạ!

（女）老師，對不起。



Em tập ghép và xếp từ

加 一 加 排 一 排

■ mời

請

mời ngồi

請坐

Em mời cô ngồi ạ!

老師，請坐！

■ cảm ơn

謝謝

Em cảm ơn cô ạ!

謝謝老師！



Em tập diễn và nói

演 一 演 說 一 說

1 Em chào thầy ạ!
老師好！

2 Mời các em ngồi!
各位同學，請坐！

3 Em cảm ơn thầy ạ!
謝謝老師！

4 Em xin lỗi thầy ạ!
老師，對不起！



Ôn tập một

複習一

要說「mời」的畫○，

要說「cảm ơn」的畫✓，

要說「xin lỗi」的畫△。





Em biết hát

我會唱

Đi học về

放學回家

作詞：Hoàng Long
作曲：Hoàng Lân

Đi học về là đi học về

放學回家 放學回家

Em vào nhà em chào cha mẹ

回到家我會跟爸媽問好

Cha em khen là con rất ngoan

爸爸誇我很乖

Mẹ âu yếm hôn đôi má em

媽媽溫柔的親吻我的臉頰



Bài ba

第三課

Nhà em

我的家



1

Con yêu bố mẹ.

我愛爸爸媽媽。



2

Bố mẹ yêu con.

爸爸媽媽愛你。

Từ vựng

詞彙

yêu
愛

bố
爸爸

mẹ
媽媽

nhà
家

con
孩子



Bài luyện tập
語文活動

Em tập nghe và chọn câu thích hợp

聽 — 聽 選 — 選

1

Con yêu bố mẹ.
我愛爸爸媽媽。

2

Bố mẹ yêu con.
爸爸媽媽愛你。



Em tập thay thế

換 一 換

Con yêu mẹ.

我愛媽媽。

Con yêu bố.

我愛爸爸。

Con yêu bố mẹ.

我愛爸爸媽媽。



Em tập thay thế

換 一 換

con

我

Con yêu mẹ.

我愛媽媽。

Con yêu bố.

我愛爸爸。

Con yêu bố mẹ.

我愛爸爸媽媽。

bố / mẹ

爸爸媽媽

Mẹ yêu con.

媽媽愛你。

Bố yêu con.

爸爸愛你。

Bố mẹ yêu con.

爸爸媽媽愛你。

Nhà em có:

我的家有：

Bố, mẹ, anh trai, chị gái, em trai, em gái.

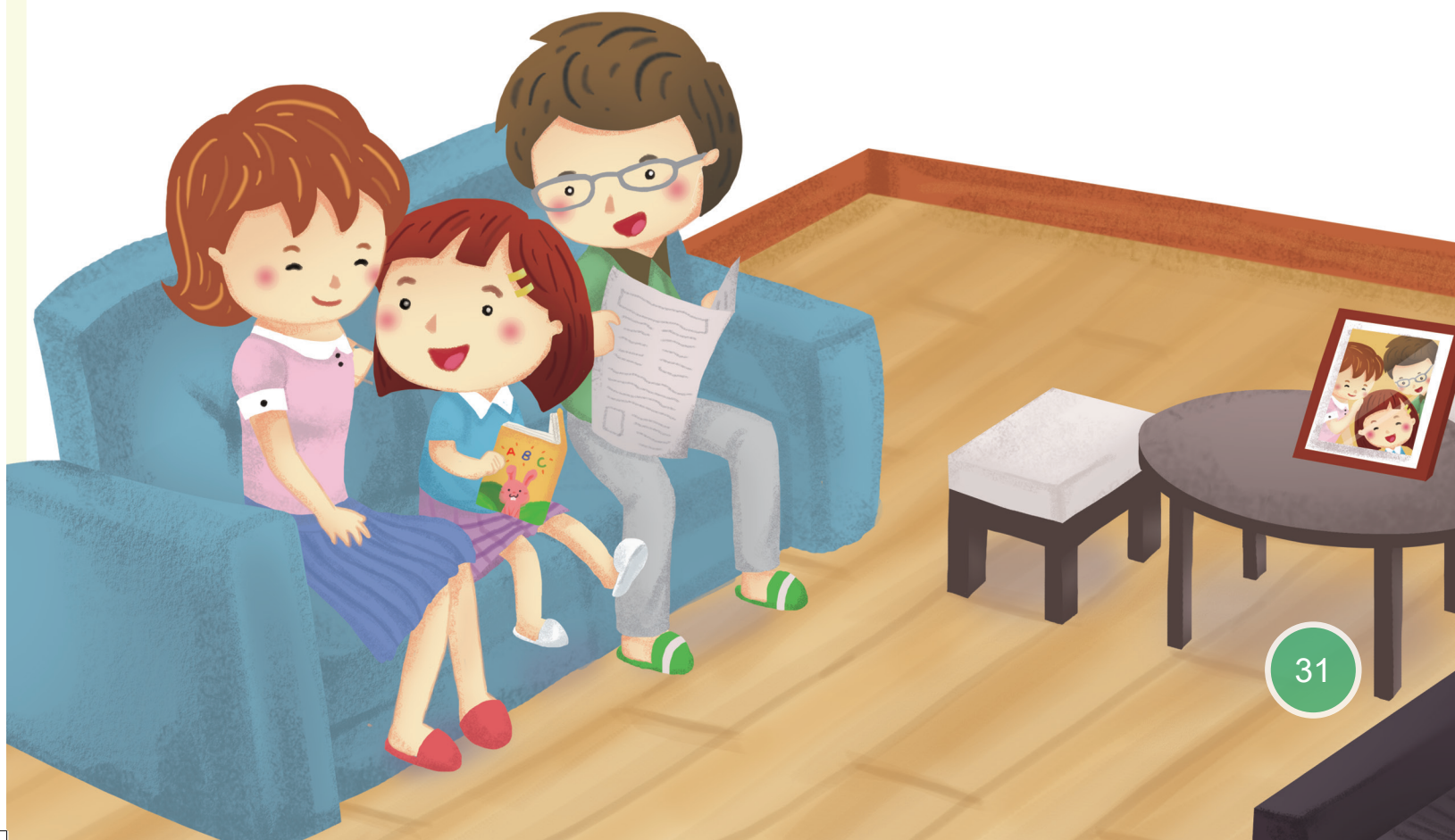
爸爸、媽媽、哥哥、姐姐、弟弟、妹妹。

Em tập diễn và nói

演 一 演 說 一 說

1 Con yêu bố mẹ.
我愛爸爸媽媽。

2 Bố mẹ yêu con.
爸爸媽媽愛你。



Bài bốn

第四課

Cháu chào ông ạ!

爺爺您好

1

Cháu chào ông ạ!

爺爺您好！

2

Cháu chào bà ạ!

奶奶您好！



3

Con chào mẹ ạ!

媽媽再見！

4

Con chào bố ạ!

爸爸再見！



Từ vựng

詞彙

chào

您好 / 早安 / 午安 / 晚安 / 再見

ông

爺爺 / 外公

bà

奶奶 / 外婆

cháu

孫子 / 孫女



Bài luyện tập
語文活動

Em tập nghe và chọn câu thích hợp

聽 — 聽 選 — 選

- ① Cháu chào ông ạ!
爺爺您好！

- ② Cháu chào bà ạ!
奶奶您好！

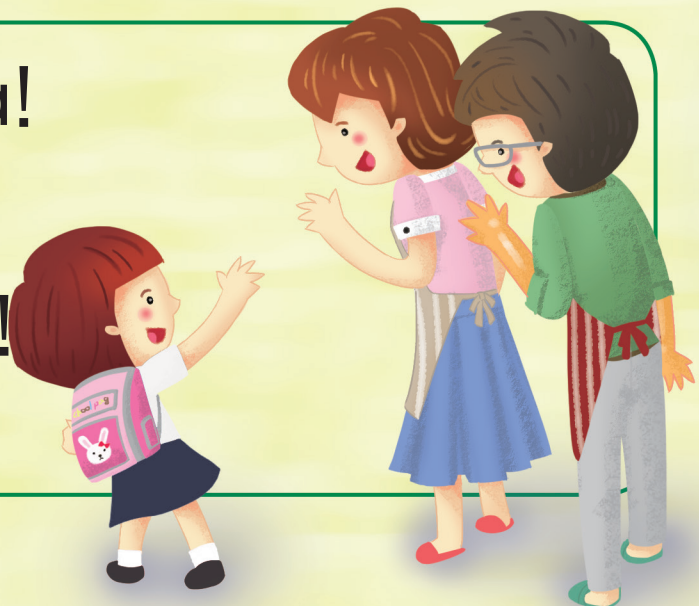


- ③ Con chào bố ạ!
爸爸早安！

- ④ Cháu chào ông ạ!
爺爺早安！

- ⑤ Con chào mẹ ạ!
媽媽再見！

- ⑥ Con chào bố ạ!
爸爸再見！



Em tập thay thế

換 一 換

Cháu chào ông ạ!
爺爺您好！

Cháu chào bà ạ!
奶奶早安！

Cháu chào ông ạ!
爺爺再見！

Con chào mẹ ạ!
媽媽您好！

Con chào bố ạ!
爸爸早安！

Con chào mẹ ạ!
媽媽再見！



Em tập ghép và xếp từ

加 一 加 排 一 排

■ chào

再見

Em chào cô ạ!

(女) 老師再見！

Em chào thầy ạ!

(男) 老師再見！

■ chào

您好

Cháu chào ông ạ!

爺爺您好！

Cháu chào bà ạ!

奶奶您好！

Em tập diễn và nói

演 一 演 說 一 說



cháu chào



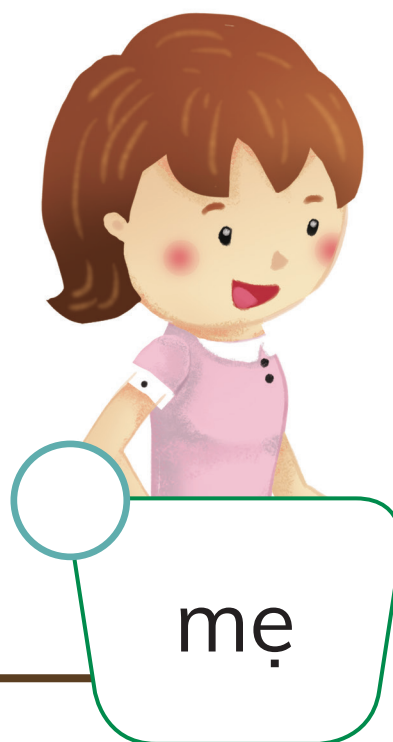
con chào



Ôn tập hai

複習二

我的家人有爸爸、媽媽……，在○裡打✓





✓
em



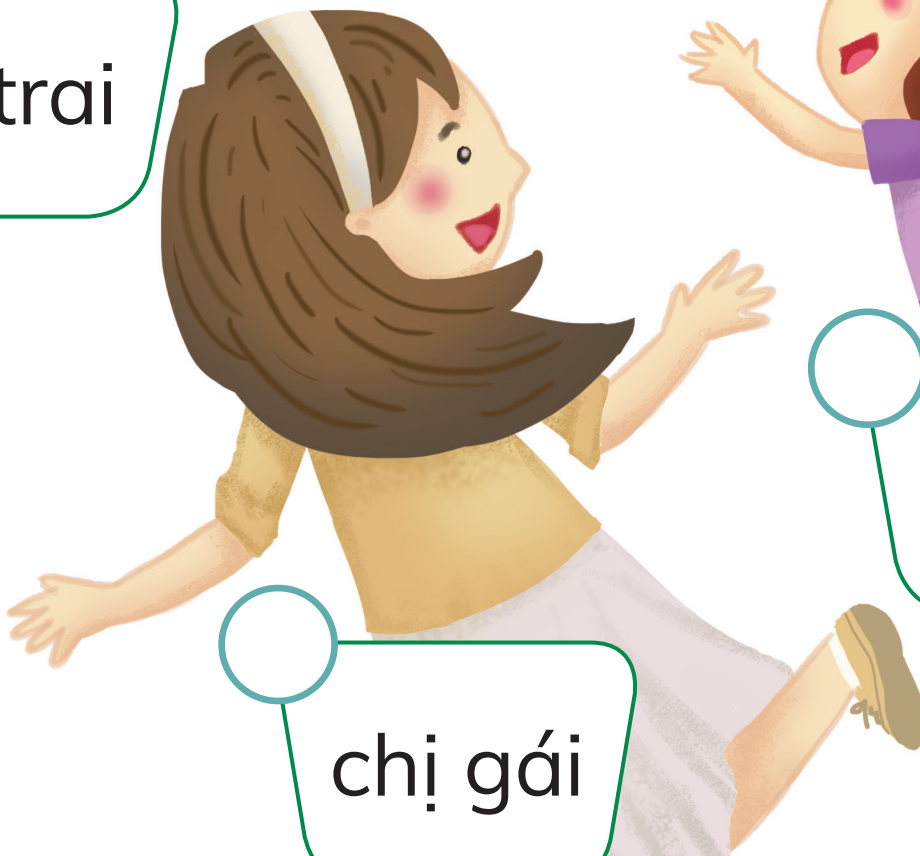
em trai



anh trai



em gái



chị gái

Em biết hát

我會唱





作詞與作曲：Phan Văn Minh

Cả nhà thương nhau 全家相愛

Ba thương con vì con giống mẹ
爸爸愛我 因為我像媽媽

Mẹ thương con vì con giống ba
媽媽愛我 因為我像爸爸

Cả nhà ta cùng thương yêu nhau
我們全家相親相愛

Xa là nhớ, gần nhau là cười
分開會想念 相聚樂開懷

新住民語文學習教材 越南語第1冊

越南語

出版機關：教育部

發行人：潘文忠

指導委員：蔡清華、林騰蛟、彭富源、許麗娟、蔡志明、林琴珠、李菁菁

編審委員：黃木姻、江佩珊、李秉承、施溪泉、譚翠玉 Đàm Thúy Ngọc、
麥美雲 Mạch Mỹ Vân、阮氏青河 Nguyễn Thị Thanh Hà、
阮蓮香 Nguyễn Thị Liên Hương

編審行政：陳碧玉、沈東毅

編輯單位：新北市政府教育局

總編輯：張明文

編輯行政：歐人豪、劉明超、丁雅君、林瑞泰、黃詩芳、林玉婷、蔡秀娟

編輯小組：主編 | 歐亞美

編輯 | 曾秀珠、林綺琴、蔡玉鳳 Sái Ngọc Phụng

插圖製作 | 卓越數碼科技有限公司、獵首行銷股份有限公司

美術編輯 | 卓越數碼科技有限公司、獵首行銷股份有限公司

本書同時登載於新住民子女教育資訊網之教材專區

展售處：五南文化廣場 電話：(04)2226-0330

地址：臺中市中山路6號

國家書店 電話：(02)2518-0207

地址：臺北市松江路209號1樓

本著作係採用創用CC姓名標示－非商業性－禁止改作4.0授權條款授權

定價：新臺幣110元

出版年月：107年12月第一版

110年06月第二版



✂ 請沿虛線剪下

第二課



第一課



第二課



第一課



第二課



第一課



第二課



第一課



bạn

mời

thầy

cảm ơn

em

xin lỗi

cô

ngồi

✂ 請沿虛線剪下

第四課



第三課



第四課



第三課



第四課



第三課



第四課



第三課



bố

ông

mẹ

chào

yêu

cháu

con

bà